

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 614/QĐ-UBND

Bắc Ninh, ngày 15 tháng 8 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt dự án Xử lý khẩn cấp khắc phục các sự cố về đê điều

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ các Luật: Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020; Luật Đầu tư công ngày 29/11/2024;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của bộ Xây dựng; Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 1660/QĐ-TTg ngày 26/12/2024 của Thủ tướng Chính phủ hỗ trợ từ nguồn dự phòng ngân sách Trung ương năm 2024 cho một số địa phương khắc phục hậu quả bão số 3 và mưa lũ sau bão;

Căn cứ các Thông tư của Bộ Xây dựng: Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 Hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 Ban hành định mức xây dựng; Thông tư số 13/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 Hướng dẫn phương pháp xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và đo bóc khối lượng công trình; Thông tư số 14/2023/TT-BXD ngày 29/12/2023 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Thông tư 09/2024/TT-BXD ngày 30/8/2024 Sửa đổi, bổ sung một số định mức xây dựng ban hành tại Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng; Thông tư số 08/2025/TT-BXD ngày 30/5/2025 sửa đổi, bổ sung một số định mức xây dựng ban hành tại Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 83/TTr-SNNMT ngày 11/8/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án Xử lý khẩn cấp khắc phục các sự cố về đê điều, với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên dự án

Xử lý khẩn cấp khắc phục các sự cố về đê điều.

2. Địa điểm xây dựng

Tại thành phố Bắc Giang, huyện Hiệp Hòa, thị xã Việt Yên, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang (*nay thuộc địa bàn các phường Bắc Giang, phường Tân An, xã Xuân Cẩm, xã Hiệp Hòa, xã Hợp Thịnh, phường Vân Hà, phường Nénh, xã Lục Nam, xã Bắc Lũng, xã Đồng Việt, phường Cảnh Thụy, phường Yên Dũng - tỉnh Bắc Ninh*).

3. Người quyết định đầu tư: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Ninh.

4. Chủ đầu tư: Chi cục Thủy lợi.

5. Tổ chức tư vấn khảo sát và lập Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng: Liên danh Trung tâm Chính sách và Kỹ thuật phòng, chống thiên tai - Công ty Cổ phần FANCO.

6. Nhóm dự án, phân loại và phân cấp công trình

- Nhóm dự án: Nhóm C.

- Loại, cấp công trình: Công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn, công trình đê điều cấp II, III, IV.

7. Mục tiêu đầu tư

Sửa chữa, khắc phục sự cố đê điều, đảm bảo an toàn cho hệ thống đê cấp II, III, IV trên địa bàn tại thành phố Bắc Giang, huyện Hiệp Hòa, thị xã Việt Yên, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang (cũ). Đồng thời, đảm bảo công tác kiểm tra, ứng phó, cứu hộ công trình khi có sự cố đê điều.

8. Quy mô đầu tư xây dựng:

8.1. Quy mô xây dựng:

Xử lý khẩn cấp khắc phục các sự cố đê điều cho các hạng mục công trình đê và cống, cụ thể như sau:

- Tuyến đê tả Thương: Xử lý mạch đùn sủi, thấm lậu, rò rỉ phía đồng với tổng chiều dài khoan phụt xử lý khoảng 2,9 km (*gồm các đoạn đê khu vực: K6+850; K10+900; K12+200 - K13+700; K22+800 - K23+150; K26+100-K26+500*).

- Tuyến đê tả Cầu:

+ Xử lý sự cố lún, nứt mặt đê và các đoạn đê thấp chưa đủ cao trình chống lũ với tổng chiều dài khoảng 4,0km (*gồm các đoạn đê khu vực: K30+700-K30+800; K24+350-K27+000; K31+800-K32+230; K44+150-K44+280; K44+750-K45+200; K45+340-K45+560; K54+530*).

+ Xử lý sự cố sạt lở mái đê phía sông với chiều dài khoảng 1,78km (*khu vực đoạn đê K49+220 - K51+200*).

+ Xử lý mạch đùn sỏi, thấm lậu, rò rỉ phía đông với tổng chiều dài khoan phụt xử lý khoảng 8,52km (gồm các đoạn đê khu vực: K6+100-K8; K12-K13+600; K30+600-K31; K32-K34+500; K38+600-K39+600; K40+150; K40+190; K40+450; K43+600; K49+200; K54+530).

- Tuyến đê hữu Lục Nam: Xử lý mạch đùn sỏi, thấm lậu, rò rỉ phía đông với tổng chiều dài khoan phụt xử lý khoảng 3,32km (gồm các đoạn đê khu vực: K2+700; K7+730-K7+800; K7+950-K8+500; K10+300-K11+900; K13+800-K14+500).

- Tuyến đê Hữu Thương Ba Tổng:

+ Xử lý sự cố lún, nứt mặt đê với chiều dài khoảng 0,6km (đoạn đê khu vực K11+000-K11+600);

+ Xử lý sự cố sạt lở mái đê phía đông với chiều dài khoảng 0,2km (Khu vực đoạn đê K3+600 - K3+800);

+ Xử lý mạch đùn sỏi, thấm lậu, rò rỉ phía đông với tổng chiều dài khoan phụt xử lý khoảng 0,45km (Khu vực đoạn đê: K6+250-K6+300; K11+100-K11+150).

+ Xử lý sự cố sụt lún đỉnh công Tiên La: Phá bỏ công cũ, xây mới công tại vị trí hiện trạng đảm bảo tiêu cho 183ha và tưới 145ha.

- Tuyến đê Tả Cầu Ba Tổng:

+ Xử lý sự cố lún, nứt mặt đê với chiều dài khoảng 0,86km (đoạn đê khu vực K3+000-K6+000).

+ Xử lý mạch đùn sỏi, thấm lậu, rò rỉ phía đông với tổng chiều dài khoan phụt xử lý khoảng 2,09km (gồm các đoạn đê khu vực: K2+000; K2+400; K4+100; K5+200; K5+700; K9+200-K9+350; K12+860-K12+930; K14+600-K14+700).

8.2. Các thông số kỹ thuật và giải pháp kỹ thuật chủ yếu

- Sự cố mạch đùn sỏi, thấm lậu, rò rỉ phía đông: Khoan phụt chống thấm bằng vữa (bột sét và xi măng) bởi 2 hàng lỗ khoan dọc theo tuyến đoạn đê xảy ra sự cố, với chiều sâu khoảng từ 4m-6m.

- Sự cố lún, nứt mặt đê: Bóc bỏ mặt bê tông hiện trạng; đào nôm dọc theo vết nứt và đắp hoàn trả bằng đất thay thế, độ chặt K95 (dung trọng $\geq 1,70T/m^3$); đắp hoàn thiện mặt cắt đê đảm bảo cao trình chống lũ và ổn định công trình. Mặt đê được hoàn trả bằng BTXM M300 dày 25cm trên lớp CPĐD dày 18cm và đất đắp K98 dày 30cm.

- Các đoạn đê thấp không đảm bảo yêu cầu chống lũ, sạt lở mái đê: Sử dụng giải pháp đắp tôn cao, hoàn thiện mặt cắt đê bằng đất với độ chặt K95 (dung trọng $\geq 1,70T/m^3$) hoặc xây dựng tường chắn sóng bằng BTCT M250, chiều cao $\leq 1,2m$ (tính từ mặt đường đến đỉnh tường) hoặc đắp tôn cao kết hợp tường chắn sóng. Mặt đê hoàn trả phù hợp theo hiện trạng bằng BTXM M300 hoặc bê tông nhựa C12,5 và dưới là lớp móng CPĐD.

- Làm lại mới cống Tiên La tại K9+900 đê Hữu Thương Ba tổng;
- + Kết cấu thân cống: Cống hộp 1 khoang bằng BTCT M250, kích thước $b \times h = (2 \times 2)m$; Gia cố nền cống bằng cọc BTCT M300, chống thấm dưới nền bằng cừ thép, chống thấm thân cống bằng đất sét luyên.
- + Hệ thống đóng mở cống: Bố trí 02 lớp phía sông (*lớp trong cửa cưỡng bức gia công bằng thép đóng mở bằng máy vít; lớp ngoài cửa tự động gia công bằng thép, đóng mở bằng áp lực nước*).
- + Hoàn trả hệ thống kênh tưới bị ảnh hưởng và gia cố kênh dẫn thượng, hạ lưu cống, mái đê trong phạm vi bảo vệ cống.
- Các giải pháp thiết kế khác và công trình phụ trợ: *Chi tiết theo hồ sơ bản vẽ thiết kế cơ sở.*

9. Bản vẽ thiết kế cơ sở được đóng dấu thẩm định kèm theo Tờ trình số 83/TTr-SNNMT ngày 11/8/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường.

10. Tổng mức đầu tư xây dựng: 84.000.000.000 đồng (*Bằng chữ: Tám mươi tư tỷ đồng*). Trong đó:

- Chi phí xây dựng:	68.221.087.000	đồng;
- Chi phí thiết bị:	677.834.000	đồng;
- Chi phí quản lý dự án:	1.596.843.000	đồng;
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng:	8.225.910.000	đồng;
- Chi phí khác:	1.083.873.000	đồng;
- Chi phí dự phòng:	4.194.453.000	đồng.

11. Tiến độ thực hiện dự án: đến 31/12/2025.

12. Nguồn vốn đầu tư và dự kiến bố trí kế hoạch vốn:

- Nguồn vốn đầu tư: Kinh phí hỗ trợ khắc phục hậu quả cơn bão số 3 và mưa lũ sau bão từ nguồn dự phòng NSTW năm 2024; nguồn chi sự nghiệp kinh tế.

- Dự kiến bố trí kế hoạch vốn: năm 2025.

13. Hình thức quản lý dự án: Thuê tư vấn quản lý dự án.

14. Yêu cầu về nguồn lực, khai thác sử dụng tài nguyên (nếu có); phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (nếu có): Tuyến đê là tuyến đê hiện trạng, giải pháp thiết kế hạn chế tối đa việc chiếm đất, diện tích chiếm đất xây dựng cơ bản nằm trong phạm vi hành lang bảo vệ đê điều và công trình thủy lợi. Chủ đầu tư phối hợp với chính quyền địa phương thực hiện tuyên truyền, vận động nhân dân để giải phóng mặt bằng (nếu có) để xây dựng công trình.

15. Các nội dung khác: Theo thông báo kết quả thẩm định tại Văn bản số 1132/SNNMT-QLĐTXD ngày 11/8/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường và hồ sơ Báo cáo nghiên cứu khả thi đã được thẩm định.

Điều 2. Chủ đầu tư tổ chức thực hiện xây dựng, quản lý công trình theo đúng quy định pháp luật hiện hành; đảm bảo chất lượng, hiệu quả, tiết kiệm chi phí xây dựng.

Điều 3. Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh; Sở Tài chính; Sở Nông nghiệp và Môi trường; Kho bạc Nhà nước Khu vực VI; Chi cục Thủy lợi và các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành. /*le*

Nơi nhận: ml

- Như Điều 3;
- Chủ tịch UBND tỉnh (b/c);
- VP UBND tỉnh: LĐVP(Ô.Luýn);
- Lưu: VT, KTN_(Nam).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Xuân Lợi

